

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2023/DS-ST**
Ngày: 12 – 7 – 2023
V/v tranh chấp vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Tính**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đào Văn Vĩnh**

2. Bà **Kim Thị Sà Mết**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhựt**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Châu Ngọc Hạnh**, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 237/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị B**, sinh ngày 25/11/1963. Địa chỉ: Số 219/5 Khóm 5, Phường 1, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông **Ngô Văn D**, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp 1A, xã E, huyện G, tỉnh Bạc Liêu. Văn bản ủy quyền ngày 01/11/2022. (Có mặt)

- Đồng bị đơn:

1. Ông **Trương Tường H**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp I, xã K, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

2. Bà **Lê Thị Tuyết L**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp O, xã P, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lưu Văn Q**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 219/5 Khóm 5, Phường 1, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2022 của nguyên đơn bà Lê Thị B và lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị B là ông

Ngô Văn D, trình bày: Bà Lê Thị B cho ông Trương Tường H vay tiền nhiều lần, tổng cộng là 150.000.000 đồng, ngày 01/01/2018 ông H viết 03 tờ biên nhận, mỗi tờ biên nhận thể hiện ông H vay của bà B 50.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu xài, nuôi tôm. Từ khi vay tiền đến nay, ông H đã thanh toán cho bà B được 50.000.000 đồng, hiện còn nợ bà B số tiền 100.000.000 đồng chưa thanh toán. Nay bà B xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000 đồng, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà L cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà B số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi đối với số tiền nợ gốc nêu trên.

Đồng bị đơn ông Trương Tường H trình bày: Ông H thừa nhận có vay tiền của bà B nhiều lần, với tổng số tiền 150.000.000 đồng từ cuối năm 2017, đến ngày 01/01/2018 ông H có viết 03 tờ biên nhận nợ như lời trình bày của bà B. Ông H đã thanh toán cho bà B được 50.000.000 đồng, hiện còn nợ bà B số tiền 100.000.000 đồng chưa thanh toán và đồng ý một mình ông H thanh toán số tiền trên 100.000.000 đồng cho bà B, vì bà L không hay biết, không tham gia vay tiền của bà B; số tiền ông H không có sử dụng vào sinh hoạt vợ chồng với bà L; mặt khác tại thời điểm ông H vay tiền của bà B thì ông H và bà L đã sống ly thân nên ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B buộc bà L cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền 100.000.000 đồng cho bà B.

Đồng bị đơn bà Lê Thị Tuyết L trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2023 (bút lục 47): Bà L và anh H cưới nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào khoảng năm 2010 nhưng đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay nên không hay biết, không có sử dụng số tiền ông H vay của bà B và ông H không có đem tiền về để đưa cho bà L sử dụng vào sinh hoạt gia đình nên bà L không đồng ý cùng với ông H thanh toán số tiền 100.000.000 đồng cho bà B.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát chưa phát hiện vi phạm thủ tục tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện trên của bà Lê Thị B đối với ông Trương Tường H và bà Lê Thị Tuyết L về việc yêu cầu thanh toán 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và không yêu cầu ông H, bà L thanh toán tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B đối với ông H, bà L về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng; buộc ông H và bà L cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà B số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông H, bà L phải nộp đối với yêu cầu khởi kiện của bà B được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị B khởi kiện ông Trương Tường H, bà Lê Thị Tuyết L yêu cầu thanh toán số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự. Khi bà H nộp đơn khởi kiện, ông H có địa chỉ cư trú tại ấp I, xã K, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Bà Lê Thị Tuyết L có địa chỉ cư trú tại ấp O, xã P, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện trên vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, ông Ngô Văn D là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị B thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với họ tên, địa chỉ của đồng bị đơn từ bà Phạm Thị L, địa chỉ cư trú tại ấp Trà Ban 1, xã P thành bà Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1986, địa chỉ cư trú tại ấp O, xã P, huyện A để phù hợp với căn cước công dân và nơi cư trú hiện nay của bà L. Xét thấy, việc yêu cầu thay đổi thông tin họ tên, địa chỉ của nguyên đơn nêu trên là phù hợp với nhân thân của bà L nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bà Lê Thị Tuyết L, ông Lưu Văn Q có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông Q.

[4] Ngày 29/5/2023, bà B có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông H, bà L thanh toán số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc còn lại là 100.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà B là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà B đối với số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền nợ gốc còn lại là 100.000.000 đồng.

[5] Ông H thừa nhận có vay tiền của bà B nhiều lần với tổng số tiền 150.000.000 đồng vào năm 2017, đến ngày 01/01/2018 ông H viết 03 tờ biên nhận giao cho bà B và đã thanh toán cho bà B số tiền 50.000.000 đồng, hiện còn nợ bà B số tiền 100.000.000 đồng và đồng ý thanh toán số tiền trên cho bà B, ông Q. Xét thấy, đây là sự thừa nhận của ông H nên thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán cho bà B và ông Q số tiền 100.000.000 đồng.

[6] Bà B yêu cầu bà L cùng có nghĩa vụ với ông H thanh toán số tiền 100.000.000 đồng. Xét thấy, ông H thừa nhận vay tiền của bà B vào năm 2017, mục đích là để nuôi tôm nhằm tìm lợi nhuận để phục vụ cho sinh hoạt gia đình với bà L. Tuy ông H và bà L cùng thống nhất xác định đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh vấn đề trên. Nội dung được Tòa án xác minh đối với bà Đinh Thị Phượng là mẹ ruột bà L và ông Diệp Hồng Chân cũng không xác định rõ ông H và bà L bắt đầu sống ly thân trước hay sau khi đã vay tiền của bà B. Ông H và bà L cùng xác định khi ông H về nhà thăm con có đem tiền về mua sách vở, đóng học phí, mua sữa... cho các con ông H, bà L và tại thời điểm ông H vay của bà B vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân với bà

L. Căn cứ quy định tại các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định đây là nợ chung của ông H và bà L nên cần buộc bà L cùng phải có nghĩa vụ với ông H thanh toán số tiền 100.000.000 đồng cho bà B.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông H, bà L phải nộp bằng 5% trên tổng số tiền phải thanh toán cho B, cụ thể: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng.

Bà B không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà B số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 6.675.750 đồng theo Biên lai số 0001370 ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

[8] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B đối với ông Trương Tường H và bà Lê Thị Tuyết L về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và yêu cầu thanh toán tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B đối với ông Trương Tường H và bà Lê Thị Tuyết L về việc yêu cầu thanh toán số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị B đối với ông Trương Tường H và bà Lê Thị Tuyết L về việc tranh chấp vay tài sản. Buộc ông Trương Tường H và bà Lê Thị Tuyết L cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị B và ông Lưu Văn Q số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Buộc ông Trương Tường H và bà Lê Thị Tuyết L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.000.000 đồng; trả lại cho bà Lê Thị B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.675.750 đồng theo Biên lai số 0001370 ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hoàng Tính